

Số: 1000/VKNT – TTĐT&DVKN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

V/v: Yêu cầu báo giá hiệu chuẩn thiết bị

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để có cơ sở lựa chọn nhà thầu phụ cho gói hiệu chuẩn thiết bị phân tích năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Diệp Hoàng Vũ
 - Chức vụ: Nhân viên Trung tâm Đào tạo và Dịch vụ Kiểm nghiệm
 - Số điện thoại: 028 38374802
 - Địa chỉ email: hctb@vienkiemngkiem.gov.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Việc tiếp nhận báo giá qua 1 trong 2 cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại Ban Hiệu chuẩn, Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh tại số 200 Cô Bắc, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Nhận qua email: hctb@vienkiemngkiem.gov.vn
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 ngày 26 tháng 8 năm 2025 đến trước 16 giờ 30 ngày 28 tháng 8 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Lưu ý: Quý Công ty tham gia chào giá hàng hóa trên 50 triệu đồng phải có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu được quy định theo khoản d Điều 5 Luật Đấu thầu 2023.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Kể từ ngày báo giá đến hết ngày 31/12/2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục như sau:

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Trụ sở chính (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)				
1	Nồi hấp tiệt trùng dạng đứng ES - 315 - TOMY - NHẬT	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C; 121°C và 134°C. - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C; 121°C và 134°C. - Đánh giá sự phân bố nhiệt độ trong nồi (ở trạng thái không tải) - Đánh giá sự thâm nhập của nhiệt trong nồi hấp (ở mức 0% tải, 50% tải, 100% tải) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh. - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C; 121°C và 134°C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
2	Tủ cấy sinh học cấp 2	Hiệu chuẩn: Tất cả các thông số của tủ với: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
3	Tủ cấy an toàn sinh học cấp 2	Hiệu chuẩn: Tất cả các thông số của tủ với: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Máy đo độ ẩm/nhiệt độ điện tử hiện số	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15,0°C; 18,0°C; 20°C; 25,0°C; 27,0°C; 40,0°C; 50,0°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
5	Máy đo nhiệt độ Extech	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: -20,0°C; 2,0°C; 5,0°C; 8,0°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
6	Máy đo nhiệt độ Extech	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: -20,0°C; 2,0°C; 5,0°C; 8,0°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
7	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15,0°C; 18,0°C; 20,0°C; 25,0°C; 27,0°C; 72,5°C - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15,0 ⁰ C; 18,0 ⁰ C; 20,0 ⁰ C; 22,5 ⁰ C; 25,0 ⁰ C; 27,0 ⁰ C; 72,5 ⁰ C - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
9	Nhiệt ẩm kế điện tử DYS	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15,0 ⁰ C; 18,0 ⁰ C; 20,0 ⁰ C; 25 ⁰ C; 27 ⁰ C; 72,5 ⁰ C - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
10	Thước kẹp	Hiệu chuẩn: - Ổ phạm vi đo khoảng từ 0mm đến 50mm - Kiểm tra vị trí “0” - Kiểm tra độ chính xác của các vạch chia trên thước - Độ chính xác - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
11	Tủ sấy MEMMERT	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 160 ⁰ C; 180 ⁰ C - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định nhiệt bên trong tủ - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 160 ⁰ C; 180 ⁰ C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
12	Tỷ trọng kế	Hiệu chuẩn: - Thang đo: 1.000 – 1.300 g/cm ³ - Kiểm tra sai số - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
13	Tỷ trọng kế	Hiệu chuẩn: - Thang đo: 1.000 – 1.300 g/cm ³ - Kiểm tra sai số - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
14	Nồi hấp KT-30LD	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C; 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C; 121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS
15	Tủ sấy đối lưu có quạt 8100	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 160°C; 180°C - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định nhiệt bên trong tủ - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 160°C; 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
16	Nồi hấp tiệt trùng STURDY SA-300 VF	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS1)
17	Đồng hồ đo nhiệt độ hiển số	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 70°C, 85 °C, 103°C, 105°C, 130°C, 160°C, 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	P. HL - ĐD - DL
18	Nhiệt kế thủy ngân	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 20 °C - 37°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	P. HL - ĐD - DL
19	Bộ quả cân	Hiệu chuẩn E2: - Quả cân: 1g, 2g (2 quả), 5g, 10g, 20g (2 quả), 50g, 100g, 200g (2 quả) - Miếng: 5mg, 10mg, 20mg (2 miếng), 50mg, 100mg, 200mg (2 miếng), 500mg. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2025	P. HL - ĐD - DL
20	Máy đo độ đục Hanna	Hiệu chuẩn: - Tại điểm 1FNU, 15FNU, - Độ lặp ±1% của giá trị đọc hoặc 0,01 FNU Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. KN MP- TP
21	Máy đo Clo dư Hanna	Hiệu chuẩn: - Tại điểm: 0,3 mg/L; 0,5 mg/L; 1mg/L - Độ phân giải 0,01mg/L Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. KN MP- TP

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
22	Máy hấp thụ nguyên tử AAS (Shimadzu AA 7000)	Hiệu chuẩn: - Độ lặp lại, giới hạn phát hiện, độ ổn định, độ chính xác bước sóng ngọn lửa, lò graphide, bộ hóa hơi HVG. - F - AAS (Lửa trực tiếp): thực hiện thêm độ ổn định ngọn lửa - GF - AAS (lò, không có ASC): thực hiện thêm độ trôi, độ nhiễu - HVG: Thực hiện thêm lưu lượng bơm nhu động - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. KN MP-TP
23	Cồn kế	Hiệu chuẩn - Thang đo trong khoảng 0 - 90 độ rượu - Nhiệt độ: từ 0 - 40 °C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. KN MP-TP
24	Máy đo độ dẫn điện Hanna	Hiệu chuẩn: - Tại điểm 1 μ S/cm và 5 μ S/cm Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	10/2025	P. KN MP-TP
Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Cơ sở 2 (Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).				
25	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB120	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 70 °C; 85 °C; 105° C - Khối lượng cân: 1,000g ÷ 2,000g - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	P. HL - ĐD - DL (CS2)
26	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB45	Hiệu chuẩn: Ở các nhiệt độ: 60°C; 70°C; 85°C; 105°C Khối lượng cân: 1,000g ÷ 2,000g Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	P. HL - ĐD - DL (CS2)
27	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (-10°C đến 110°C)	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 2°C ÷ 7°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	P. HL - ĐD - DL (CS2)
28	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (-20°C đến 110°C)	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 37°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	P. HL - ĐD - DL (CS2)

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
29	Nhiệt kế -10°C đến 110°C	Hiệu chuẩn: Ổ nhiệt độ: 3 ⁰ C, 5 ⁰ C, 7 ⁰ C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2025	P. HL - ĐD – DL (CS2)
30	Cân sấy độ ẩm MB120	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 60 ⁰ C; 85 ⁰ C; 105 ⁰ C - Khối lượng cân (g): 0,1; 0,5; 1; 2; 5; 10; 50, 100, 120. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. KN MP-TP (CS2)
31	Máy đo độ đục TURB 355IR	Hiệu chuẩn: - Tại điểm: 0,02; 1; 10; 100; 1000 NTU. - Độ lặp ±1% của giá trị đọc hoặc 0,01 FNU.	11/2025	P. KN MP-TP (CS2)
32	Hệ thống quang phổ hấp thu nguyên tử AA 7000 shimadzu gồm: Lò, lò, hydrid (HVG) và hóa hơi lạnh (MVU)	Hiệu chuẩn: - Độ lặp lại, giới hạn phát hiện, độ ổn định, độ chính xác bước sóng ngọn lửa, lò graphide, bộ hóa hơi HVG, MVU. - F - AAS (Lửa trực tiếp): thực hiện thêm độ ổn định ngọn lửa. - GF - AAS (lò, kèm bộ ASC): thực hiện thêm độ trôi, độ nhiễu. - MVU: Thực hiện thêm tốc độ quay của máy khuấy, lưu lượng khí mang. - HVG: Thực hiện thêm lưu lượng bơm nhu động. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. KN MP-TP (CS2)
33	Máy chung cất đạm tự động UDK 159	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra độ chụm, độ đúng của Buret ở mức dung tích thường dùng bằng cân phân tích thích hợp. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. KN MP-TP (CS2)
34	Hệ thống phòng sạch thí nghiệm Vi sinh	Hiệu chuẩn: (110 m2) - Đo dài kích thước bụi - Đo nhiệt độ, độ ẩm - Đo trao đổi không khí - Đo vi sinh vật trong không khí - Cường độ ánh sáng - Độ ồn - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	11/2025	Có Phụ lục kèm theo

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
35	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA HVE-50	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
36	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA HVE-85	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
37	Máy đếm khuẩn lạc tự động Interscience Scan® 300	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Độ lặp lại - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
38	Máy đo vòng vô khuẩn IUL	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
39	Tủ cây vô trùng ESCO AVC-4A1	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiểu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
40	Tủ cây vô trùng PHSC12	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiểu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
41	Tủ An Toàn Sinh Học Cấp II ESCO AC2-4E8- ĐLKS	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiểu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
42	Tủ An Toàn Sinh Học Cấp II ESCO AC2-4E8 – ĐNK	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiểu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
43	Nhiệt kế tự ghi Smart tech TH8	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra đồng hồ sai số của nhiệt độ; độ ẩm - Độ chính xác - Số hiệu chính nhiệt độ, độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
44	Nhiệt kế -20°C đến 50°C	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 15°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 41,5°C, 44°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
45	Nhiệt kế âm sâu -50°C đến +50°C	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 20°C, -15°C, -10°C, -5°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	11/2025	P. DL-VS (CS2)
Tổng cộng: 45 thiết bị				

2. Địa điểm hiệu chuẩn thiết bị: Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Trụ sở chính (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) và Cơ sở 2 (Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).

3. Thời gian hiệu chuẩn dự kiến: Trong vòng 01-02 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán.

5. Các thông tin khác

Giá chào là đồng Việt Nam đã bao gồm thuế và tất cả các chi phí (vận chuyển, lưu kho, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chi phí ủy thác xuất nhập khẩu, chuyển giao công nghệ (nếu có)...).

Báo giá phải ghi rõ nội dung hiệu chuẩn như yêu cầu tại phụ lục.

Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định và đóng dấu của đơn vị chào giá. Trường hợp báo giá có nhiều trang, đề nghị đơn vị đóng dấu giáp lai các trang.

Công ty vui lòng cung cấp bảng báo giá theo mẫu phụ lục đính kèm.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Website của Viện;
- Lưu: VT, Phòng VTTTB, tổ CNTT.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp] báo giá cho danh mục thiết bị hiệu chuẩn như sau:

1. Báo giá hàng hóa như sau:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Nội dung thực hiện	Đơn giá đã bao gồm phí, lệ phí và các chi phí liên quan (VNĐ/TB)	Thành tiền (VNĐ)
1						
2						
n						
	Tổng chi phí					
	Giá hóa chất, chất chuẩn, viên chuẩn (nếu có)					
	Chi phí đi lại (nếu có)					
	Thuế VAT					
	TỔNG CỘNG					
	Bằng chữ:.....					

2. Báo giá này có hiệu lực: Kể từ ngày báo giá đến hết ngày 31/12/2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))